

BIÊN BẢN

Kiểm tra, giám sát bằng đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại kho bạc nhà nước tháng 7,8,9 năm 2024.

I. Thời gian: Lúc 8 giờ 50 phút, ngày 15 tháng 10 năm 2024

II. Địa điểm: Phòng kế toán, trường Tiểu học Hanh Thông

II. Thành phần

+ Bộ phận kiểm tra, giám sát:

1. Bà: Lê Phạm Phương Đài, Trưởng ban Thanh tra nhân dân.
2. Bà: Phạm Thị Kim Oanh, Phó ban Thanh tra nhân dân.
3. Bà: Nguyễn Thị Yên, Ủy viên Thanh tra nhân dân.

+ Đại diện bộ phận được giám sát:

1. Bà Lê Thị Hồng Nhung – Hiệu trưởng
2. Bộ phận Tài vụ

IV. Nội dung giám sát:

1/ Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí tháng 7,8,9/2024: (nguồn 13)

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 3/2024	Lũy kế từ đầu năm
B	C	5	6
6000	Tiền lương	987,843,170	2,995,609,950
6001	Lương theo ngạch, bậc (DS đính kèm)	987,843,170	2,995,609,950
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	100,785,600	306,054,000
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	100,785,600	306,054,000
6100	Phụ cấp lương	548,755,344	1,652,965,896



6101	Phụ cấp chức vụ (DS đính kèm)	14,751,000	48,276,000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề (DS đính kèm)	346,498,045	1,052,293,287
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc (DS đính kèm)	1,341,000	21,231,000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	186,165,299	531,165,609
6300	Các khoản đóng góp	302,916,196	911,679,130
6301	Bảo hiểm xã hội	225,575,902	678,910,010
6302	Bảo hiểm y tế	38,670,159	116,384,591
6303	Kinh phí công đoàn	25,780,093	77,589,684
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	12,890,042	38,794,845
6449	Chi khác-tiết đứng năng GV thể dục HKII		168,912,000
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	15,826,498	194,121,959
6501	Tiền điện	11,948,338	175,320,371
6502	Tiền nước	3,878,160	18,801,588
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	2,691,000	7,532,000
6605	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng (3 đường truyền internet)	2,691,000	7,176,000
6608	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện 2 Hóa đơn sách phòng thư viện)	0	356,000
6700	Công tác phí	-	12,500,000
6704	Khoản công tác phí (xăng xe BGH-KT-TQ)		12,500,000
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	30,960,000	30,960,000
6912	Nâng cấp hỗ trợ từ xa (gia hạn PM QLTS)	1,800,000	1,800,000
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng (bảo trì máy tính)	29,160,000	29,160,000

7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	9,181,498	51,655,758
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư		23,980,000
7004	Đồng phục (BV)	5,880,000	5,880,000
7049	Chi khác (giấy bút soạn bài HKII 5tr8, mua trống 6tr5)		12,300,000
7756	Chi các khoản phí và lệ phí (phí chuyển lương ...ATM)	3,301,498	9,495,758
	Cộng	1,998,959,306	6,331,990,693

2/Chi thường xuyên (nguồn 14): 1.676.847.593 đ

- Tăng lương theo Nghị định 47/2017/NĐ-CP: 372.507.942 đồng.
- Tăng thu nhập theo NQ08-Q2.2024+Q1+2 của HT: 1.304.339.651 đồng.

3/Chi không thường xuyên (nguồn 12): 366.947.920 đ

- Chi tạm ứng 30% sửa chữa hè 2024: 152.944.000 đ
- Chi tiền mua 100 bộ bàn ghế từ ngân sách (còn thiếu 7tr4 đi từ Quỹ Phát triển sự nghiệp): 165.000.000 đ
- Chi tiền mua tập khen thưởng NH23-24: 49.003.920 đ

V. Kết luận:

Ban Thanh tra Nhân dân đã kiểm tra các nội dung như trên và thấy khớp với các chứng từ.

Biên bản kết thúc lúc 14 giờ 00 phút cùng ngày và thông qua các thành viên tham dự.



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Hồng Nhung

**TM. BAN THANH TRA NHÂN DÂN
TRƯỞNG BAN**

Lê Phạm Phương Đài